TÒA ÁN N DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST – HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 16 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con

TÒA ÁN N DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân – Thư ký Tòa án N dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp*:* Bà Nguyễn Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2023/QĐ-MPH ngày 10 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trương Thị T, sinh năm 1990; ĐKHKTT: Buôn C, thị trấn S, huyện S, tỉnh L; hiện làm việc tại: Công ty TNHH G&T Phú Thọ; địa chỉ: Số nhà 136, tổ 18, khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Lương Công N, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Buôn C, thị trấn S, huyện S, tỉnh L; chỗ ở hiện nay: Tầng 10, số 163-3, đường Kaotan 14, ngoc Kaotan, quận D, thành phố Cao Hùng, Đ (Trung Quốc).

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai chị Trương Thị T và anh Lương Công N trình bày: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N đăng ký kết hôn ngày 15/6/2011 tại Ủy ban N thị trấn thị trấn S, huyện S, tỉnh L. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng kí kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng gia đình nhà anh N tại thị trấn S, huyện S, tỉnh L. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do tính cách của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2019 anh N đi xuất khẩu lao động tại Đ (Trung Quốc), còn chị T ở Việt Nam cùng các con. Do khoảng cách địa lý xa xôi vợ chồng không có điều kiện gần gũi, chia sẻ, quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ năm 2020 tình trạng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên hơn, ảnh hưởng

đến cuộc sống và công việc của cả hai bên. Đã nhiều lần vợ chồng cùng nhau trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay anh N vẫn đang lao động tại Đ (Trung Quốc) và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam, còn chị T đang làm việc tại tỉnh Phú Thọ. Chị T và anh N đều xác định tình trạng hôn N đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn N không đạt được nên đều thỏa thuận và thống nhất lựa chọn Tòa án N dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là Lương Bảo Nam, sinh ngày 30/9/2012 và Lương Duy H, sinh ngày 12/07/2018. Khi ly hôn chị T và anh N đều thống nhất thỏa thuận chị T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng: Chị Trương Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Chị Trương Thị T và anh Lương Công N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Chị T ủy quyền cho anh N thay mặt chị giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, có trách nhiệm thông báo cho chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Phú Thọ đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Lương Công N. Về con chung: Giao con chung là Lương Bảo Nam, sinh ngày 30/9/2012 và Lương Duy H, sinh ngày 12/07/2018 cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N xác định vợ chồng tự thỏa thuận do vậy không đặt ra giải quyết. Về công nợ, công sức: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí giải quyết việc dân sự, chi phí tố tụng: Chị Trương Thị T tự nguyện chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ đơn và lời khai của các đương sự và ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án N dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong hồ sơ thể hiện, hiện nay anh Lương Công N đang sinh sống và làm việc tại Đ (Trung Quốc). Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của anh Kiên đều có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Chị Trương Thị T hiện đang làm việc tại Công ty TNHH G&T Phú Thọ; địa chỉ: Số nhà 136, tổ 18, khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Chị T và anh N đều thống nhất thỏa thuận lựa chọn

Tòa án N dân tỉnh Phú Thọ là nơi giải quyết ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án N dân tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị T và anh N đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Lương Công N hiện đang sinh sống tại Đ (Trung Quốc). Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản nêu trên là ý chí, nguyện vọng của anh Lương Công N và chị Trương Thị T.

[2.1] Về quan hệ hôn N: Quan hệ hôn N giữa chị Trương Thị T và anh Lương Công N là hôn N tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được nên chị Trương Thị T và anh Lương Công N đều thuận tình ly hôn. Do vậy việc chị Trương Thị T và anh Lương Công N đề nghị Tòa án N dân tỉnh Phú Thọ công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ ý chí của cả hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn N và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là Lương Bảo Nam, sinh ngày 30/9/2012 và Lương Duy H, sinh ngày 12/07/2018. Khi ly hôn chị T và anh N thống nhất thỏa thuận chị T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nam và cháu H. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị T và anh N phù hợp với quy định của Luật hôn N và gia đình nên được công nhận. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, do vậy không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị Trương Thị T và anh anh Lương Công N xác định vợ chồng không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Việc tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự của chị Trương Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn N và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều

362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 397 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn N: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Lương Công N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trương Thị T và anh Lương Công N: Giao con chung là Lương Bảo Nam, sinh ngày 30/9/2012 và Lương Duy H, sinh ngày 12/07/2018 cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, do vậy không đặt ra giải quyết.

4. Về công nợ, công sức: Chị Trương Thị T và anh Lương Công N xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận chị Trương Thị T tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0000395 ngày 06/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND thị trấn S,
huyện S, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu Huyền